

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1375/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 09 tháng 11 năm 2022

V/v tranh chấp về ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Mỹ Kim;

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Hà Văn Tiến;

2. Bà Huỳnh Thị Thanh Hiền;

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh là Thư ký Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Bà Trương Thị Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 11 năm 2022 tại Phòng xử án trụ sở Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 856/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2022 về “V/v tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 957/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 9 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 979/2022/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2022, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Thế D, sinh năm 1981;

Nơi cư trú: 134D Tổ A, Khu phố B, phường C, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

(có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

*2. Bị đơn:* Bà Phạm Thị Thu T, sinh năm 1989;

Nơi cư trú: 134D Tổ A, Khu phố B, phường C, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn ly hôn, bản tự khai và biên bản thì nguyên đơn – ông Nguyễn Thế D trình bày:

Ông và bà Phạm Thị Thu T tự nguyện chung sống với nhau, có Đ ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh vào khoảng tháng 9/2012. Thời gian đầu chung sống tương đối hạnh phúc mặc dù có xảy ra mâu thuẫn nhưng chưa đến mức phải ly hôn. Tuy nhiên, càng về sau mâu thuẫn ngày càng nhiều. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu về kinh tế. Dần dần quan điểm, lối sống, nhận thức của cả hai không còn phù hợp, không còn tiếng nói chung, Cả hai cũng đã cố gắng hòa giải, hàn gắn để duy trì cuộc hôn nhân này vì các con. Tuy nhiên, được một thời gian thì tiếp tục mâu thuẫn. Nay, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa, vì tình cảm dành cho nhau không còn, khả năng hàn gắn là không thể. Do đó, ông yêu cầu ly hôn với bà Phạm Thị Thu T. Mục đích ông ly hôn với bà T nhằm ổn định cuộc sống, không vì mục đích nào khác.

Về con chung: Vợ chồng ông có 03 (ba) người con Nguyễn Phạm Khánh N, sinh ngày 16/02/2013; Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 07/02/2015; Nguyễn Trường Th, sinh ngày 13/4/2020.

Ông trực tiếp nuôi dưỡng người con tên N, Đ đến khi trưởng thành. Bà T trực tiếp nuôi dưỡng người con tên Th đến khi trưởng thành. Không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Về tài sản chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, ông không có ý kiến yêu cầu nào khác.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành tổng đạt văn bản tố tụng và triệu tập các đương sự để tham gia về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng bị đơn vắng mặt và Tòa án không nhận được bất kỳ văn bản nào ghi nhận ý kiến, yêu cầu của bị đơn đối với yêu cầu của nguyên đơn. Do đó, vụ án không tiến hành hòa giải được nên đưa ra xét xử công khai tại phiên tòa.

Tại phiên tòa ngày 19/10/2022 bị đơn – bà Phạm Thị Thu T đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ nhất, nhưng vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa theo quy định tại các Điều 227, 233 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc:

- Tuân theo pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân theo quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; nguyên đơn chấp hành theo quy định của pháp luật; bị đơn chưa chấp hành theo quy định của pháp luật.

- Giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Các đương sự tranh chấp với nhau về việc ly hôn. Đây là quan hệ pháp luật “V/v tranh chấp ly hôn”. Theo kết quả xác minh: Bà Phạm Thị Thu T, sinh năm 1989 đang sinh sống tại địa chỉ 134D Tổ A, Khu phố B, phường C, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

Căn cứ vào lời khai của đương sự; căn cứ vào giấy tờ, tài liệu do đương sự cung cấp và Tòa án thu thập được có đủ cơ sở xác định:

Ông Nguyễn Thế D – bà Phạm Thị Thu T chung sống với nhau có Đ ký kết hôn vào năm 2012 (Giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân phường C, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 19/9/2012; số: 174; quyền số: 02/2012). Nay, ông Nguyễn Thế D yêu cầu ly hôn với bà Phạm Thị Thu T.

Ông D – bà T có với nhau 03 (ba) người con Nguyễn Phạm Khánh N, sinh ngày 16/02/2013; Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 07/02/2015; Nguyễn Trường Th, sinh ngày 13/4/2020.

Ông D yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng người con tên N, Đ đến khi thành niên. Giao người con tên Th cho bà Phạm Thị Thu T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên. Không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Về tài sản chung, ông Nguyễn Thế D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nghĩa vụ chung về tài sản, ông Nguyễn Thế D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo kết quả xác minh: Vợ chồng ông Nguyễn Thế D – bà Phạm Thị Thu T có xảy ra mâu thuẫn, nhưng không xác định được mâu thuẫn là gì, không thể hàn gắn tình cảm.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Theo quy định tại các Điều 19, 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: “Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; vợ, chồng hoặc cả hai người có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn; khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa có cơ sở kết luận: Quan hệ tình cảm vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, người nào chỉ biết bỏn phận người đó, muốn sống ra sao thì sống, không cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình. Xét thấy, hôn nhân của vợ chồng nguyên đơn và bị đơn lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Ngoài ra, bị đơn vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải tại Tòa án. Hội đồng xét xử xét thấy, bị đơn không quan tâm đến quan hệ hôn nhân giữa vợ chồng nguyên đơn và bị đơn, nên Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở và căn cứ pháp lý chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

Theo quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì: “Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, ...; nếu con từ đủ 07 (bảy) tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con; ...; con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi”, ... .

Tại biên bản ghi nhận ý kiến thì người con Nguyễn Phạm Khánh N, Nguyễn Hải Đ có nguyện vọng mong muốn được sống trực tiếp với nguyên đơn. Nguyên đơn yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng 02 (hai) người con N, Đ đến khi thành niên và yêu cầu này phù hợp với nguyện vọng của 02 (hai) người con. Vì lợi ích của con, đảm bảo sự ổn định trong cuộc sống nên Hội đồng xét xử giao 02 (hai) người con Nguyễn Phạm Khánh N, sinh ngày 16/02/2013;

Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 07/02/2015 cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên.

Đối với người con Nguyễn Trường Th dưới 36 tháng tuổi. Nguyên đơn đồng ý giao cho bị đơn trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên. Để đảm bảo quyền lợi của con và phù hợp với quy định pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy, giao người con Nguyễn Trường Th, sinh ngày 13/4/2020 cho bị đơn trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, nguyên đơn không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con. Bị đơn vắng mặt trong quá trình tố tụng, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nghĩa vụ chung về tài sản, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí:

Theo Điều 47 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Nguyên đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn, nên nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án về tranh chấp hôn nhân và gia đình không có giá ngạch là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng. Nguyên đơn được khấu trừ toàn bộ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0023747 ngày 18/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. Nguyên đơn đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 19, 51, 56, 58, 59, 60, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào các Điều 2, 6, 7, 7a, 7b, 9, 30 của Luật Thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

### 1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Thế D được ly hôn với bà Phạm Thị Thu T.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật Giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân phường C, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 19/9/2012; số: 174; quyển số: 02/2012 không còn giá trị.

1.2 Về con chung: Có 03 (ba) người con Nguyễn Phạm Khánh N, sinh ngày 16/02/2013; Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 07/02/2015; Nguyễn Trường Th, sinh ngày 13/4/2020.

Giao người con tên N, Đ cho ông Nguyễn Thế D trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên.

Giao người con tên Th cho bà Phạm Thị Thu T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên.

Không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng; không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

1.3 Về tài sản chung: Ông Nguyễn Thế D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4 Nghĩa vụ chung về tài sản: Ông Nguyễn Thế D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### 2. Về án phí:

Ông Nguyễn Thế D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án về tranh chấp hôn nhân và gia đình không có giá ngạch là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng. Ông Nguyễn Thế D đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0023747 ngày 18/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông D được khấu trừ toàn bộ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0023747 ngày 18/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Nguyễn Thế D đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

### 3. Quyền kháng cáo:

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

4. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án:

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự; người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

***Nơi nhận:***

- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 12;
- Chi cục THADS Quận 12;
- UBND phường C,  
Quận 12, Tp. HCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Mỹ Kim**